

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI NĂM 2024 - 2025

(Đơn vị: đồng)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Đơn giá	Tổng số tiết của 35 tuần thực học	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I	Số học sinh		160					
	+ Khối 1		130					
	+ Khối 2		15					
	+ Khối 3		15					
	+ Khối 4		0					
	+ Khối 5		0					
II	Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:							
1	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	160	120,000				
	Mức thu		= Tổng dự toán chi/số học sinh	120,000		172,800,000	100.00%	
	Tổng dự toán chi :					172,800,000	100.00%	
-	Chi cải cách tiền lương		160			34,560,000	20.00%	
-	Chi thanh toán cá nhân:					27,000,000	15.63%	
+	Chi công tác giảng dạy của giáo viên trực tiếp 15 người x 200.000đ x 9 tháng					27,000,000	15.63%	
+	Chi cho bộ phận gián tiếp					14,400,000	8.33%	
+	Chi ban giám hiệu (Chi tiết) 2 người x 200.000 x 9 tháng					3,600,000	2.08%	
+	Chi bộ phận hành chính (Chi tiết) 6 người x 200.000đ x 9 tháng					10,800,000	6.25%	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn					45,770,000	26.49%	
+	Mua sắm vật tư, nguyên liệu vật liệu, hàng hóa phục vụ CM, dạy kỹ năng sống					35,000,000	20.25%	
+	Nâng cấp cải tạo bảo trì máy vi tính					4,816,000	2.79%	
+	Chi phí khác					5,954,000	3.45%	
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động					47,614,000	27.55%	
+	Vệ sinh môi trường thuê mướn trồng cây xanh.....					15,000,000	8.68%	
+	Vật tư văn phòng, thay mực , drum mực, văn phòng phẩm....					10,702,000	6.19%	
+	Mua sắm công cụ dụng cụ, vật tư, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất ...					10,000,000	5.79%	
+	Khấu hao TSCĐ					5,000,000	2.89%	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp					3,456,000	2.00%	
+	2% thuế					3,456,000	2.00%	

III	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú							
	Tổng dự toán chi :					504,000,000	100.00%	
1	Tiền tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh		160			504,000,000	100.00%	
	Mức thu		= Tổng dự toán chi/số học sinh	350,000		504,000,000	100.00%	
	Tổng dự toán chi :					504,000,000	100.00%	
-	Chi cải cách tiền lương					40,320,000	8.00%	
-	Chi thanh toán cá nhân:					135,000,000	26.79%	
+	Chi thù lao giáo viên trực tiếp 15 người x 1.000.000đ x 9 tháng					135,000,000	26.79%	
-	Chi cho bộ phận gián tiếp quản lý công tác bán trú					175,500,000	34.82%	
+	Chi ban giám hiệu (Chi tiết) 2 người x 1.000.000 x 9 tháng					18,000,000	3.57%	
+	Dự phòng chi lương ND 111					103,500,000	20.54%	
+	Chi bộ phận hành chính (Chi tiết) 6 người x 1.000.000đ x 9 tháng					54,000,000	10.71%	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn					55,440,300	11%	
+	Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn					5,000,000	0.99%	
+	Bàn chải đánh răng					4,845,000	0.96%	
+	Bao rác trung					880,000	0.17%	
+	Bao rác đại					560,000	0.11%	
+	Bao rác (thùng 60 lít)					495,000	0.10%	
+	Bao tay (size L)					360,000	0.07%	
+	Bao tay nilông (gấp khăn)					775,000	0.15%	
+	Bông lau nhà					140,000	0.03%	
+	Cây chà bồn cầu					175,000	0.03%	
+	Cây lau nhà					750,000	0.15%	
+	Chổi cỏ					780,000	0.15%	
+	Chổi chà					300,000	0.06%	
+	Giấy vệ sinh					2,664,000	0.53%	
+	Kem đánh răng					1,232,500	0.24%	
+	Khăn vải không dệt					17,641,800	3.50%	
+	Long nảo					340,000	0.07%	
+	Miếng xanh					208,000	0.04%	
+	Nước lau kiếng					693,000	0.14%	
+	Nước lau sàn					4,320,000	0.86%	
+	Nước Vím bồn cầu					675,000	0.13%	
+	Xà bông bột (OMO)					3,108,000	0.62%	
+	Xà bông cục					3,002,000	0.60%	
+	Xà bông rửa chén					2,945,000	0.58%	
+	Xịt muối					3,551,000	0.70%	
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và các chi phí hoạt động khác					87,659,700	17.39%	
+	Bảo trì thang máy					10,000,000	1.98%	
+	Thanh toán tiền rác					6,000,000	1.19%	
+	Cây xanh, đất , phân					3,000,000	0.60%	

+	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị, thuê mướn, tiền điện, nước sinh hoạt, tiền điện thoại.....					63,659,700	12.63%	
+	Khấu hao TSCD					5,000,000	0.99%	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp					10,080,000	2.00%	
+	2% thuế					10,080,000	2.00%	
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh					1,282,558,200	100.00%	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú (số ngày bình quân trong tháng là 22 ngày)	đồng/học sinh/ngày	160	35,000		1,108,800,000	100.00%	số ngày bq 22 ngày *9 tháng x 163hs * 35.000đ
2	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	160	20,000		28,800,000	100.00%	
3	Bảo hiểm y tế học sinh (dự kiến 35 HS)	đồng/học sinh/năm	35	884,520		30,958,200	100.00%	dự kiến
4	Tiền học phẩm - học liệu (học sinh cơ sở 2)	đồng/học sinh/năm	85	200,000		17,000,000	100.00%	dự kiến
	- Sữa đặc					2,200,000		KH của chuyên môn
	- Sữa tươi					800,000		KH của chuyên môn
	- Cam					500,000		KH của chuyên môn
	- Chanh dây					300,000		KH của chuyên môn
	- Milo(450gram)					250,000		KH của chuyên môn
	- Trà cozy					300,000		KH của chuyên môn
	- Nước rửa chén(3.5 lít)					500,000		KH của chuyên môn
	- Bao tay thực phẩm					200,000		KH của chuyên môn
	- Ôi hồng					400,000		KH của chuyên môn
	- Dưa hấu					200,000		KH của chuyên môn
	- Bột năng					150,000		KH của chuyên môn
	- Đường					600,000		KH của chuyên môn
	- Trà phúc long					300,000		KH của chuyên môn
	- Phô mai					300,000		KH của chuyên môn
	- Vải hoa					2,000,000		KH của chuyên môn
	- Cành hoa					300,000		KH của chuyên môn
	- Giấy gói hoa					100,000		KH của chuyên môn
	- Dây ruy băng					100,000		KH của chuyên môn
	- Gòn					700,000		KH của chuyên môn
	- Nấm mèo					200,000		KH của chuyên môn
	- Bột nêm (500 gr)					230,000		KH của chuyên môn
	- Nước mắm					170,000		KH của chuyên môn
	- Trứng gà					150,000		KH của chuyên môn
	- Hành lá					50,000		KH của chuyên môn
	- Hành tím					380,000		KH của chuyên môn
	- Bột gạo					90,000		KH của chuyên môn
	- Muối (500 gr)					540,000		KH của chuyên môn
	- Dầu mè (nhỏ)					60,000		KH của chuyên môn
	- Dầu ăn					700,000		KH của chuyên môn
	- Bánh trắng					500,000		KH của chuyên môn
	- Cà rốt					250,000		KH của chuyên môn
	- Khoai môn					180,000		KH của chuyên môn
	- Xúc xích					500,000		KH của chuyên môn

	- Sốt mì ý					440,000		KH của chuyên môn
	- Mì ý					550,000		KH của chuyên môn
	- Cà chua					300,000		KH của chuyên môn
	- Tương cà(lớn)					250,000		KH của chuyên môn
	- Miến thái					240,000		KH của chuyên môn
	- Sốt mayone					500,000		KH của chuyên môn
	- Hành tây					120,000		KH của chuyên môn
	- Giấy thấm dầu					400,000		KH của chuyên môn
5	Tiền khám sức khỏe ban đầu	đồng/học sinh/năm	160	60,000		9,600,000	100.00%	dự kiến
6	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú		160			17,600,000		
	Mức thu		= Tổng dự toán chi/số học sinh/năm		110,000			
	Tổng dự toán chi :					17,600,000	100%	
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ học sinh bán trú					17,600,000	100%	
+	Áo gối					7,708,000	43.80%	
+	Chiều					2,040,000	11.59%	
+	Ruột gối					2,305,000	13.10%	
+	Xô nước 20lít					65,000	0.37%	
+	Nồi cơm điện					1,200,000	6.82%	
+	Ký rác (nhựa)					210,000	1.19%	
+	Nồi cơm điện 1, 2 lít					1,100,000	6.25%	
+	Nồi Inox					974,000	5.53%	
+	Dao thái nhỏ					210,000	1.19%	
+	Dao thái lớn					240,000	1.36%	
+	Dao bào					148,000	0.84%	
+	Chén Inox					675,000	3.84%	
+	Thùng nhựa 10 lít					120,000	0.68%	
+	Thùng nhựa 15 lít					255,000	1.45%	
+	Vá Inox					350,000	1.99%	

Người lập

Nhan

Lê Quốc Ngân

